

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM (ĐỀ CHÍNH THỨC)  
MÔN THI: TIẾNG ANH**

**Phần I. Gồm các câu từ 1 đến 10.**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 1 điểm.  
CĐ: Mỗi câu đúng được 1,5 điểm.**

1. D. have been paying
2. C. like about
3. D. have travelled/ have traveled
4. B. where
5. A. as much
6. D. which
7. A. whereas
8. B. annoyed about
9. D. to ask
10. C. In order for

**Phần II. Gồm các câu từ 11 đến 15.**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 1 điểm.  
CĐ: Mỗi câu đúng được 1 điểm.**

11. C bear
12. B great
13. A blood
14. D undo
15. A mouse

**Phần III . Gồm các câu từ 16 đến 25 .**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 2 điểm.  
CĐ: Mỗi câu đúng được 2 điểm.**

16. maintenance/ maintaining
17. ripening
18. likeness
19. unfriendly / friendly
20. unforgettable
21. unconvincing
22. modernise/ modernize
23. childhood
24. warmth
25. encouraged

**Phần IV . Gồm các câu từ 26 đến 35 .**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 2 điểm.  
CĐ: Mỗi câu đúng được 2 điểm.**

26. of/among
27. mother
28. to
29. which
30. language
31. as
32. the
33. of
34. broadcast
35. more

**Phần V. Gồm các câu từ 36 đến 40 .**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 2 điểm.**

**CĐ: Mỗi câu đúng được 3 điểm.**

36. The relationship between people and the environment.  
37. All the energy burns off through the roof (and it's bad for business).  
Hoặc: All the energy was burning off through the roof (and it was bad for business).  
38. To create more free space around the store.  
39. Within a year, the store was the most successful B & Q store in Britain.  
40. Positive/Approving.

**Phần VI . Gồm các câu từ 41 đến 50 .**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 2 điểm.**

**CĐ: Mỗi câu đúng được 2,5 điểm.**

41. He is known to *have been in prison several times*.  
42. The film star objected to *being criticised/ criticized by non-professionals*.  
Hoặc: The film star objected to *criticism by non-professionals*  
43. She can't get used to *studying every evening*.  
44. I wish *I had paid more attention to the lecture./*  
Hoặc: *I had been more attentive during the lecture.*  
45. I might *have got/ gotten a better job if I had studied harder*.  
46. I'd rather *you didn't mention it again*.  
47. Ms. Quyen has *taught/ has been teaching Chinese for ten years*.  
48. This is *the first time (that) we have visited the museum*.  
Hoặc: This is *our first visit to the museum*.  
49. If Peter *hadn't woken up too late/ so late, he wouldn't have missed the train*.  
Hoặc: If Peter *had woken up earlier, he wouldn't have missed the train*.  
50. The cashier *was forced to hand over the money (by the robber)*.

**Phần VII . Gồm các câu từ 51 đến 60 .**

**ĐH: Mỗi câu đúng được 1,5 điểm.**

**CĐ: Không làm phần này.**

51. Jack London's life and writings represent/ represented the American love of adventure.  
52. He was born in 1876 in San Francisco.  
53. He quit/ quitted school at fourteen/ when he was fourteen/ at the age of fourteen to become/ and became a sailor.  
54. He travelled/ traveled a good deal during his short lifetime.  
55. He travelled/ traveled to many places in Europe, the United States and the Far East.  
56. In 1897, when Jack London was 21 (years old), gold was discovered in Alaska.  
57. He answered the call of adventure.  
58. He took part in the famous 'gold rush'.  
59. 59. His experiences in the wild northern country provided him with material for many of his later stories and novels.  
Hoặc: His experiences in the wild northern country provided material for many of his later stories and novels.  
60. His best-known novels include/ included *The Call of the Wild* and *The Sea Wolf*.

**Chữ viết tắt**

1. ĐH: Thí sinh thi đại học
  2. CĐ: Thí sinh chỉ thi cao đẳng
-